

NĂNG LỰC GIAO TIẾP VÀ TƯƠNG TÁC SỰ PHẠM CỦA SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG

LÊ THỊ XUÂN THU

Khoa Chính trị và Tâm lý giáo dục,
Trường Đại học Hùng Vương, Phú Thọ

Nhận bài ngày 04/01/2026. Sửa chữa xong 24/02/2026. Duyệt đăng 28/02/2026.

Abstract

Pedagogical communication and interaction competence is a core component of teachers' professional competence, particularly at the primary education level. This study aims to investigate the current state of pedagogical communication and interaction competence among students majoring in Primary Education, thereby providing a scientific basis for improving teacher education programs. The research was conducted with 300 students through a questionnaire survey, combined with descriptive statistical analysis and qualitative data obtained from open-ended questions and in-depth interviews. The findings indicate that students demonstrate strengths in direct communication with pupils but still face limitations in broader professional interactions, such as handling pedagogical situations and cooperating with pupils' parents. The study highlights the need to strengthen practice-oriented training in order to develop students' pedagogical communication and interaction competence in a more comprehensive manner.

Keywords: Pedagogical communication, pedagogical interaction, pre-service teachers, Primary Education, teacher education.

1. Đặt vấn đề

Trong các tiếp cận hiện đại về năng lực nghề nghiệp giáo viên, giao tiếp và tương tác sư phạm được xem là năng lực cốt lõi, quyết định chất lượng mối quan hệ giáo dục và hiệu quả phát triển toàn diện của người học (Epstein & Hundert, 2002; OECD, 2019) [2]. Đối với giáo dục tiểu học, năng lực này càng giữ vai trò then chốt do đặc điểm tâm lý lứa tuổi học sinh (HS) và yêu cầu tương tác cao, thường xuyên giữa giáo viên (GV) với HS, cha mẹ HS và các lực lượng giáo dục liên quan (UNESCO, 2018) [6].

Trong bối cảnh triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, vai trò của giáo viên (GV) tiểu học đã chuyển từ người truyền thụ kiến thức sang nhà giáo dục phát triển phẩm chất và năng lực HS, đồng thời tăng cường phối hợp giữa nhà trường – gia đình – xã hội. Chuẩn nghề nghiệp GV cơ sở giáo dục phổ thông ban hành theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT cũng nhấn mạnh yêu cầu GV phải có năng lực giao tiếp, xử lý tình huống sư phạm và phối hợp hiệu quả với cha mẹ HS trong hoạt động giáo dục [1].

Sinh viên (SV) ngành Giáo dục Tiểu học là lực lượng GV tương lai, song năng lực giao tiếp và tương tác sư phạm của SV vẫn đang trong quá trình hình thành và chịu ảnh hưởng lớn từ chương trình đào tạo và trải nghiệm thực hành nghề nghiệp. Do đó, việc khảo sát thực trạng năng lực giao tiếp và tương tác sư phạm của SV ngành Giáo dục Tiểu học có ý nghĩa quan trọng trong việc đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp theo định hướng đổi mới giáo dục, đồng thời cung cấp cơ sở khoa học cho việc điều chỉnh và nâng cao chất lượng đào tạo GV tiểu học hiện nay.

Email: lexuanthu@hvu.edu.vn

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết về năng lực giao tiếp và tương tác sư phạm

Năng lực giao tiếp và tương tác sư phạm là một thành tố quan trọng của năng lực nghề nghiệp GV, phản ánh khả năng thiết lập, duy trì và phát triển các mối quan hệ giáo dục tích cực với HS, đồng nghiệp và cha mẹ HS. Thông qua giao tiếp sư phạm, GV không chỉ truyền đạt tri thức mà còn tác động đến cảm xúc, thái độ và sự phát triển nhân cách của người học (Epstein & Hundert, 2002) [2].

Theo các tiếp cận hiện đại về năng lực nghề nghiệp GV, năng lực được hiểu là sự tích hợp giữa kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành, thái độ nghề nghiệp và khả năng vận dụng linh hoạt trong các bối cảnh giáo dục cụ thể (OECD, 2019) [5]. Trong đó, giao tiếp và tương tác sư phạm giữ vai trò then chốt, đặc biệt ở bậc tiểu học – nơi hoạt động dạy học gắn chặt với mối quan hệ gần gũi, thường xuyên và giàu cảm xúc giữa GV và HS.

Các khung năng lực GV hiện nay đều nhấn mạnh rằng năng lực giao tiếp và tương tác sư phạm không chỉ giới hạn trong phạm vi lớp học, mà còn bao gồm khả năng phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ HS và các lực lượng giáo dục khác nhằm hỗ trợ sự phát triển toàn diện của người học (UNESCO, 2018) [5]. Đối với GV tiểu học, đây là yêu cầu cốt lõi gắn với vai trò của GV như một nhà giáo dục và người kết nối các mối quan hệ giáo dục.

Đối với SV ngành Giáo dục Tiểu học, năng lực giao tiếp và tương tác sư phạm là năng lực nghề nghiệp đang trong quá trình hình thành, chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ chương trình đào tạo, hoạt động thực hành – thực tập và trải nghiệm nghề nghiệp. Việc khảo sát thực trạng năng lực này có ý nghĩa quan trọng trong việc đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp của SV, đồng thời làm cơ sở cho việc điều chỉnh nội dung và phương thức đào tạo GV theo hướng phát triển năng lực nghề nghiệp toàn diện trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- *Mục đích nghiên cứu:* Nghiên cứu được thực hiện nhằm khảo sát và phân tích thực trạng năng lực giao tiếp và tương tác sư phạm của SV ngành Giáo dục Tiểu học, qua đó làm cơ sở để xuất các định hướng nâng cao năng lực này trong đào tạo GV tiểu học.

- *Khách thể và mẫu khảo sát:* Khách thể nghiên cứu là SV ngành Giáo dục Tiểu học Trường Đại Học Hùng Vương. Mẫu khảo sát gồm 300 SV đang theo học tại khoa Giáo dục tiểu học và mầm non- Trường Đại học Hùng Vương, được lựa chọn theo phương pháp thuận tiện, đảm bảo tính đa dạng về năm học.

- *Công cụ nghiên cứu:* Công cụ nghiên cứu là phiếu khảo sát sử dụng thang đo Likert 5 mức độ. Trong đó, năng lực giao tiếp và tương tác sư phạm được đo lường thông qua 4 biến quan sát (B2.1–B2.4), phản ánh các biểu hiện giao tiếp với HS, xây dựng mối quan hệ giáo dục, xử lý tình huống sư phạm và phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ học sinh.

- *Phương pháp xử lý dữ liệu:* Dữ liệu được xử lý bằng các phương pháp thống kê mô tả, bao gồm tính điểm trung bình và độ lệch chuẩn. Bên cạnh đó, nghiên cứu sử dụng phân tích định tính thông qua câu hỏi mở và phỏng vấn sâu nhằm bổ trợ và làm rõ kết quả định lượng.

- *Nguồn gốc thang đo năng lực giao tiếp và tương tác sư phạm (B2):* Thang đo năng lực giao tiếp và tương tác sư phạm (B2) trong nghiên cứu này được xây dựng trên cơ sở tổng hợp các khung năng lực GV và các nghiên cứu về năng lực nghiệp vụ sư phạm, trong đó nhấn mạnh vai trò của giao tiếp và tương tác giáo dục trong hoạt động dạy học tiểu học. Các biểu hiện của thang đo B2 được tham chiếu từ các tiếp cận hiện đại về năng lực nghề nghiệp GV, coi giao tiếp sư phạm là sự tích hợp giữa kỹ năng giao tiếp với HS, khả năng xây dựng mối quan hệ giáo dục tích cực, xử lý tình huống sư phạm và phối hợp với các lực lượng giáo dục liên quan (OECD, 2019; UNESCO, 2018).. Trên cơ sở đó, thang đo B2 gồm bốn biến quan sát phản ánh các khía cạnh cốt lõi của năng lực giao tiếp và tương tác sư phạm của SV ngành Giáo dục Tiểu học, bao gồm: 1) Giao tiếp với HS bằng ngôn ngữ rõ ràng, gần gũi; 2) Xây dựng mối quan hệ tích cực, tin cậy với HS; 3) Xử lý các tình huống sư phạm phát sinh trong dạy học; và 4) Phối

hợp với đồng nghiệp và cha mẹ HS trong hoạt động giáo dục. Các biến quan sát này phù hợp với yêu cầu nghề nghiệp của GV tiểu học trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay.

2.3. Thực trạng năng lực giao tiếp và tương tác sư phạm của sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học

Năng lực giao tiếp và tương tác sư phạm là một trong những năng lực cốt lõi của năng lực nghiệp vụ sư phạm, phản ánh khả năng thiết lập mối quan hệ giáo dục tích cực giữa GV với HS, đồng nghiệp và cha mẹ HS. Đối với SV ngành Giáo dục Tiểu học, năng lực này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng bởi hoạt động dạy học ở bậc tiểu học đòi hỏi mức độ tương tác cao, sự gần gũi, thấu hiểu và linh hoạt trong xử lý các tình huống sư phạm. Thực trạng năng lực giao tiếp và tương tác sư phạm của SV được khảo sát thông qua 4 biến quan sát thuộc nhóm B2 trong phiếu khảo sát.

*Bảng 1: Thực trạng năng lực giao tiếp và tương tác sư phạm của SV ngành Giáo dục Tiểu học
(Đơn vị: điểm trung bình; thang Likert 5 mức; n = 300 SV)*

STT	Nội dung đánh giá (B2)	Điểm TB	Độ lệch chuẩn
B2.1	Mức độ giao tiếp với HS bằng ngôn ngữ rõ ràng, gần gũi, thân thiện	3,82	0,69
B2.2	Mức độ xây dựng mối quan hệ tích cực, tin cậy với HS	3,75	0,72
B2.3	Mức độ xử lý các tình huống sư phạm phát sinh trong dạy học	3,48	0,80
B2.4	Mức độ phối hợp với đồng nghiệp và cha mẹ HS trong hoạt động giáo dục	3,36	0,84
—	Điểm trung bình chung năng lực B2	3,60	0,76

(Quy ước: 1,00–1,80: Không làm được; 1,81–2,60: Làm được rất hạn chế; 2,61–3,40: Làm được ở mức trung bình; 3,41–4,20: Làm khá; 4,21–5,00: Làm tốt).

Kết quả Bảng 1 cho thấy năng lực giao tiếp và tương tác sư phạm của SV ngành Giáo dục Tiểu học đạt mức khá, với điểm trung bình chung là 3,60/5. Tuy nhiên, kết quả này chủ yếu phản ánh mức độ đáp ứng các yêu cầu giao tiếp cơ bản trong dạy học, trong khi các khía cạnh giao tiếp mang tính chuyên nghiệp và mở rộng vai trò giáo dục vẫn còn hạn chế. Cụ thể, hai nội dung đạt điểm trung bình cao nhất là giao tiếp với HS bằng ngôn ngữ rõ ràng, thân thiện (3,82) và xây dựng mối quan hệ tích cực, tin cậy với HS (3,75). Điều này cho thấy SV có lợi thế trong giao tiếp trực tiếp với HS – đối tượng trung tâm của hoạt động dạy học tiểu học – phù hợp với đặc điểm tâm lý lứa tuổi và định hướng đào tạo hiện hành trong các chương trình sư phạm.

Ngược lại, nội dung xử lý các tình huống sư phạm phát sinh trong dạy học chỉ đạt mức khá thấp (3,48), phản ánh SV còn gặp khó khăn khi phải ứng phó với các tình huống phức tạp, bất ngờ, đòi hỏi khả năng kiểm soát cảm xúc, phán đoán sư phạm và ra quyết định linh hoạt. Đặc biệt, nội dung phối hợp với đồng nghiệp và cha mẹ HS trong hoạt động giáo dục có điểm trung bình thấp nhất (3,36), tiệm cận mức trung bình. Đây là biểu hiện giao tiếp mang tính nghề nghiệp mở rộng, gắn với vai trò của GV như một nhà giáo dục, không chỉ là người thực hiện hoạt động dạy học trên lớp. Kết quả này cho thấy SV còn thiếu sự chuẩn bị cần thiết cho các mối quan hệ giáo dục ngoài lớp học – một yêu cầu ngày càng quan trọng trong bối cảnh giáo dục tiểu học hiện nay.

Độ lệch chuẩn tương đối cao ở các biến B2.3 và B2.4 cho thấy mức độ phân hóa rõ rệt giữa các SV, đặc biệt ở những nội dung đòi hỏi trải nghiệm thực tiễn và kỹ năng xã hội nghề nghiệp.

Phân tích các ý kiến mở và kết quả phỏng vấn sâu với 25 cán bộ giảng viên, GV hướng dẫn thực tập tại cơ sở cho thấy những nhận định định tính phù hợp và bổ trợ rõ nét cho kết quả phân tích định lượng.

Nhiều SV cho biết họ tương đối tự tin trong giao tiếp trực tiếp với HS, đặc biệt trong các giờ thực hành và thực tập sư phạm, chủ yếu nhờ thái độ thân thiện và sự gần gũi với HS. Một SV chia sẻ: “*Khi nói chuyện với học sinh thì em thấy khá tự tin, vì chỉ cần nhẹ nhàng và gần gũi là các em hợp tác*” (SV18). Tuy nhiên, sự tự tin này chưa luôn đi kèm với kỹ năng giao tiếp sư phạm chuyên sâu, đặc biệt trong những tình huống phức tạp. Như một SV khác cho biết: “*Khi học sinh phản ứng mạnh hoặc không nghe lời thì em hay lúng túng, không biết nên xử lý thế nào cho đúng*” (SV42).

Khi đối diện với các tình huống sư phạm phát sinh, SV thường xử lý theo cảm tính hoặc phụ thuộc

vào sự hỗ trợ của GV hướng dẫn. Một GV hướng dẫn thực tập nhận xét: “SV xử lý tình huống còn khá bị động, thường phải chờ GV can thiệp, nhất là những tình huống liên quan đến cảm xúc hoặc hành vi của HS” (GV07).

Đối với giao tiếp và phối hợp với cha mẹ HS, phần lớn SV cho biết chưa có nhiều cơ hội trải nghiệm trong quá trình học tập và thực tập, dẫn đến tâm lý e ngại và thiếu tự tin. Một SV chia sẻ: “Em hầu như chưa bao giờ trao đổi trực tiếp với phụ huynh, nên rất sợ nếu sau này phải nói chuyện với cha mẹ HS” (SV29). Giảng viên cũng cho rằng đây là hạn chế chung của SV sư phạm hiện nay: “Chương trình đào tạo còn thiên về dạy học trên lớp, trong khi kỹ năng giao tiếp với phụ huynh và phối hợp giáo dục lại chưa được rèn luyện bài bản” (GV14). Nhìn chung, các trích dẫn phỏng vấn sâu cho thấy SV mạnh hơn ở giao tiếp trong phạm vi lớp học, nhưng còn hạn chế rõ rệt ở giao tiếp nghề nghiệp mở rộng, phản ánh đúng thực trạng đào tạo GV hiện nay.

Từ kết quả phân tích định lượng và định tính có thể khẳng định rằng năng lực giao tiếp và tương tác sư phạm của SV ngành Giáo dục Tiểu học đã được hình thành nhưng còn mang tính chưa toàn diện. SV thể hiện tương đối tốt ở giao tiếp trực tiếp với HS trong phạm vi lớp học, song còn hạn chế rõ rệt ở các khía cạnh giao tiếp mang tính chuyên nghiệp cao, gắn với vai trò của GV như một nhà giáo dục. Thực trạng này phản ánh một đặc điểm phổ biến trong chương trình đào tạo GV hiện nay, khi quá trình đào tạo vẫn chủ yếu chú trọng phát triển năng lực dạy học, trong khi năng lực giao tiếp giáo dục, phối hợp các lực lượng giáo dục và xử lý các mối quan hệ sư phạm phức tạp chưa được quan tâm đúng mức. Hệ quả là SV tuy có khả năng thực hiện các hoạt động dạy học trên lớp, nhưng còn thiếu sự chuẩn bị cần thiết để đảm đương đầy đủ vai trò giáo dục nhân cách, hỗ trợ tâm lý và kết nối gia đình – nhà trường – xã hội trong thực tiễn nghề nghiệp. Do đó, việc phát triển năng lực giao tiếp và tương tác sư phạm cho SV ngành Giáo dục Tiểu học cần được tiếp cận theo hướng đào tạo nhà giáo dục toàn diện, thông qua tăng cường các hoạt động mô phỏng tình huống sư phạm, rèn luyện kỹ năng giao tiếp nghề nghiệp, mở rộng trải nghiệm thực tập và tạo điều kiện cho SV tham gia vào các mối quan hệ giáo dục thực tế.

Trong bối cảnh triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, vai trò của GV tiểu học được định hướng là nhà giáo dục phát triển phẩm chất và năng lực HS, đòi hỏi năng lực giao tiếp và tương tác sư phạm ở mức cao. Chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông ban hành theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT cũng nhấn mạnh yêu cầu GV biết xây dựng mối quan hệ tích cực với HS, phối hợp hiệu quả với cha mẹ HS và xử lý linh hoạt các tình huống sư phạm. Kết quả nghiên cứu cho thấy SV còn hạn chế ở các khía cạnh giao tiếp nghề nghiệp mở rộng, phản ánh mức độ đáp ứng các yêu cầu nghề nghiệp theo định hướng đổi mới giáo dục còn chưa toàn diện.

Từ kết quả nghiên cứu, bài viết đưa ra một số hàm ý quan trọng đối với đào tạo GV tiểu học hiện nay. Thứ nhất, chương trình đào tạo cần tăng cường rèn luyện năng lực giao tiếp và tương tác sư phạm theo hướng thực hành, thông qua các hoạt động mô phỏng tình huống sư phạm, xử lý tình huống giáo dục và rèn luyện kỹ năng giao tiếp nghề nghiệp. Thứ hai, cần mở rộng nội dung và hình thức đào tạo liên quan đến giao tiếp, phối hợp với cha mẹ HS và các lực lượng giáo dục, nhằm giúp SV chuẩn bị tốt hơn cho vai trò GV trong bối cảnh Giáo dục phổ thông 2018. Thứ ba, hoạt động thực tập sư phạm cần được tổ chức theo hướng tạo nhiều cơ hội cho SV tham gia trực tiếp vào các mối quan hệ giáo dục thực tế, qua đó phát triển năng lực giao tiếp và tương tác sư phạm một cách toàn diện và bền vững.

3. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy SV ngành Giáo dục Tiểu học có ưu thế trong giao tiếp trực tiếp với HS nhưng còn hạn chế ở các khía cạnh giao tiếp nghề nghiệp mở rộng như xử lý tình huống sư phạm và phối hợp với cha mẹ HS, phản ánh mức độ đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và Chuẩn nghề nghiệp GV còn chưa toàn diện. Nghiên cứu nhấn mạnh sự cần thiết của việc đổi mới đào tạo GV theo hướng tăng cường rèn luyện năng lực giao tiếp và tương tác sư phạm gắn với thực hành nghề nghiệp và bối cảnh giáo dục hiện nay.

Nghiên cứu được thực hiện trên mẫu SV tại một cơ sở đào tạo nên khả năng khái quát hóa kết quả còn hạn chế. Dữ liệu chủ yếu dựa trên tự báo cáo và thiết kế mô tả cắt ngang, do đó chưa phản ánh được sự phát triển năng lực giao tiếp và tương tác sư phạm của SV theo thời gian. Các nghiên cứu tiếp theo sẽ mở rộng phạm vi khảo sát và triển khai thiết kế thực nghiệm hoặc bán thực nghiệm nhằm đánh giá hiệu quả của các mô hình đào tạo phát triển năng lực giao tiếp và tương tác sư phạm cho SV ngành Giáo dục Tiểu học. Đồng thời, việc kết hợp phương pháp định lượng và định tính sẽ giúp làm rõ hơn cơ chế hình thành và phát triển năng lực này trong quá trình đào tạo GV.

Lời cảm ơn: Tác giả trân trọng cảm ơn sự tài trợ của Trường Đại học Hùng Vương thông qua đề tài cấp trường “Phát triển năng lực nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học Trường Đại học Hùng Vương” mã số HV38.2024.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành Chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông*.
- [2] Epstein, R. M., & Hundert, E. M. (2002). *Defining and assessing professional competence*. JAMA, 287(2), 226–235. <https://doi.org/10.1001/jama.287.2.226>.
- [3] Huỳnh Văn Cường, Trần Văn Vinh, Nguyễn Thị Sơn, Võ Văn Lộc (2016). *Hiệu quả của tư vấn tâm lý học đường từ mô hình kết nối mạng lưới tư vấn giữa các trường học và trung tâm công tác xã hội*. In Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế Tâm lý học học đường lần thứ 5. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 17–28.
- [4] Thuy, N. (2020). *Social Work Practice in Schools: Issues for Consideration*. VNU Journal Of Science: Education Research, 36(3). doi:10.25073/2588-1159/vnuer.4411.
- [5] OECD. (2019). *OECD Learning Compass 2030*. Paris: OECD Publishing.
- [6] UNESCO. (2018). *ICT Competency Framework for Teachers*. Paris: UNESCO.

QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỀ VAI TRÒ...

Tiếp theo trang 51

Đối với đặc thù SV khối kỹ thuật tại UTH, hiệu quả của phương pháp thuyết trình phụ thuộc lớn vào khả năng liên hệ giữa nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh với thực tiễn ngành Giao thông vận tải. Việc gắn các giá trị như “cần, kiệm, liêm, chính”, tinh thần trách nhiệm với nhân dân, ý thức kỷ luật và tác phong khoa học với đạo đức nghề nghiệp kỹ sư, quản lý dự án, vận hành hệ thống giao thông... sẽ giúp SV nhận thấy ý nghĩa thiết thực của môn học đối với con đường nghề nghiệp tương lai. Khi đó, môn học không chỉ dừng lại ở việc “học để thi” mà trở thành nền tảng hình thành bản lĩnh chính trị và văn hóa nghề nghiệp. Trong thời gian tới, hướng nghiên cứu tiếp theo có thể tập trung vào việc khảo sát định lượng mức độ hài lòng và hiệu quả tiếp thu của SV trước và sau khi áp dụng mô hình thuyết trình tích hợp; từ đó xây dựng bộ tiêu chí đánh giá cụ thể cho phương pháp này trong điều kiện đào tạo khối ngành kỹ thuật. Kết quả nghiên cứu sẽ góp phần hoàn thiện cơ sở khoa học cho việc đổi mới phương pháp giảng dạy môn Tư tưởng Hồ Chí Minh nói riêng và các môn Lý luận chính trị nói chung.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bùi Đình Phong (2017). *Hồ Chí Minh học - một số nội dung cơ bản*. NXB Lý luận chính trị, Hà Nội.
- [2] Hoàng Chí Bảo (2005). *Tìm hiểu phương pháp Hồ Chí Minh*. NXB Lý luận chính trị, Hà Nội.
- [3] *Hồ Chí Minh Toàn tập* (tập 4, 2011). NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- [4] *Hồ Chí Minh Toàn tập* (tập 11, 2011). NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- [5] *Hồ Chí Minh Toàn tập* (tập 13, 2011). NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- [6] *Hồ Chí Minh Toàn tập* (tập 14, 2011). NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- [7] Vũ Thị Thủy, Phạm Thị Huyền (2020). *Vai trò của phương pháp thảo luận nhóm trong dạy học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh theo định hướng phát triển năng lực*. Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên, tập 225 số 4.